Tổng Công ty cơ khí xây dựng - CTCP (UPCOM: TCK)

Lịch sử giá

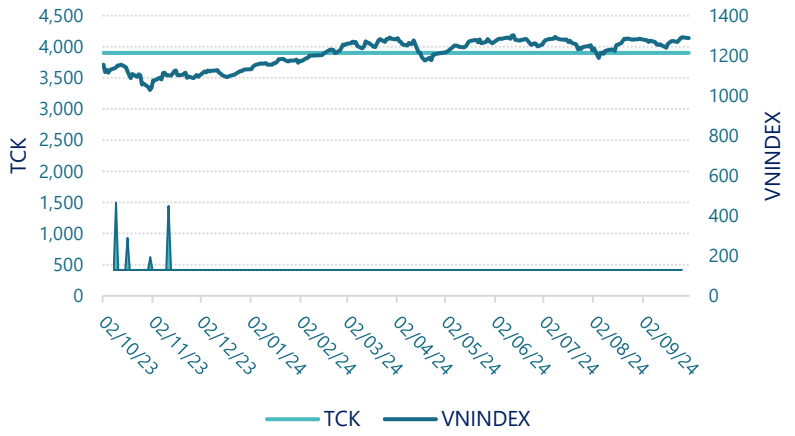

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,900
SL cổ phiếu LH	23,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	175
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	93
P/E	6.1
EPS	636

DT thuần

Q3/24

74.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.7| 38.9%

YoY: ▲ 38.5| 109%

LN sau thuế

Q3/24

13.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.1| 550%

YoY: ▲ 16.8| 451%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

23.0%

+/- YoY: ▲ 23.4%

DT thuần

9T 2024

170

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.00| 1.2%

LN sau thuế

9T 2024

12.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.8| 253%

ROE

Q3/24

-16.5%

+/- YoY: ▼ 25.0%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

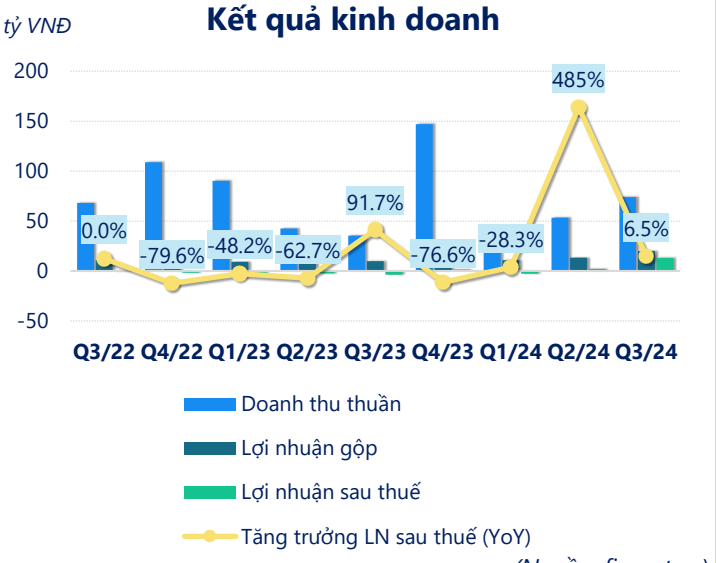

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

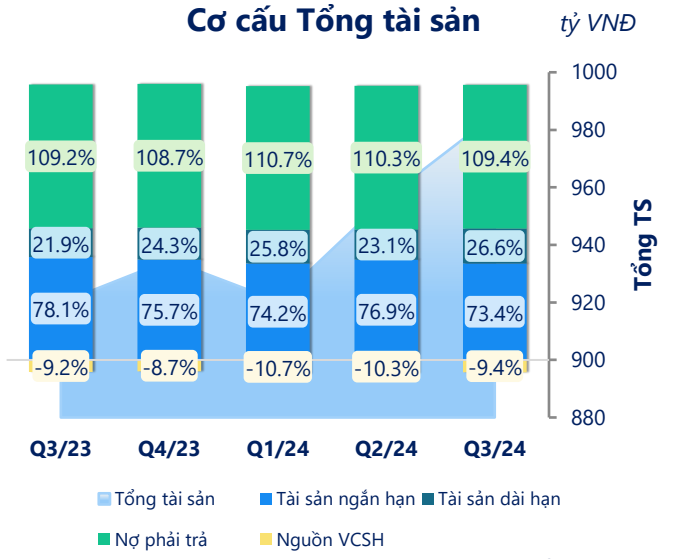

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

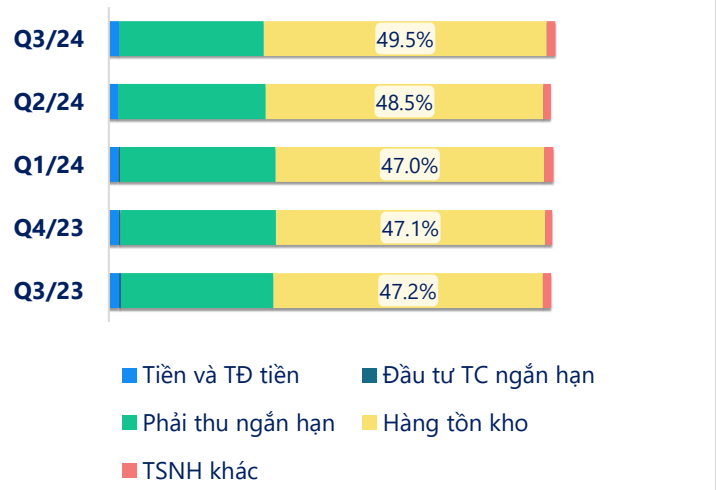

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

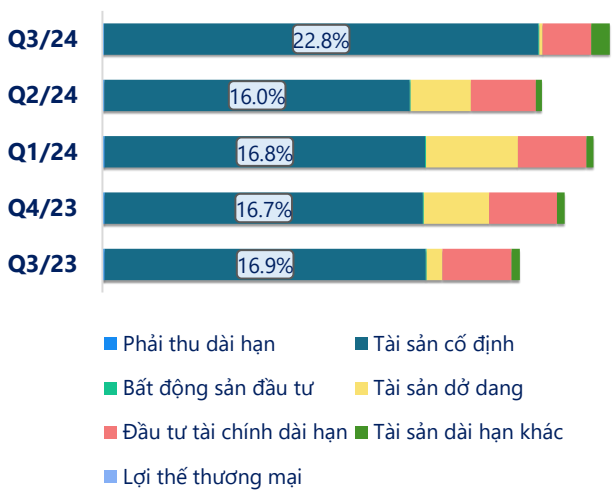

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

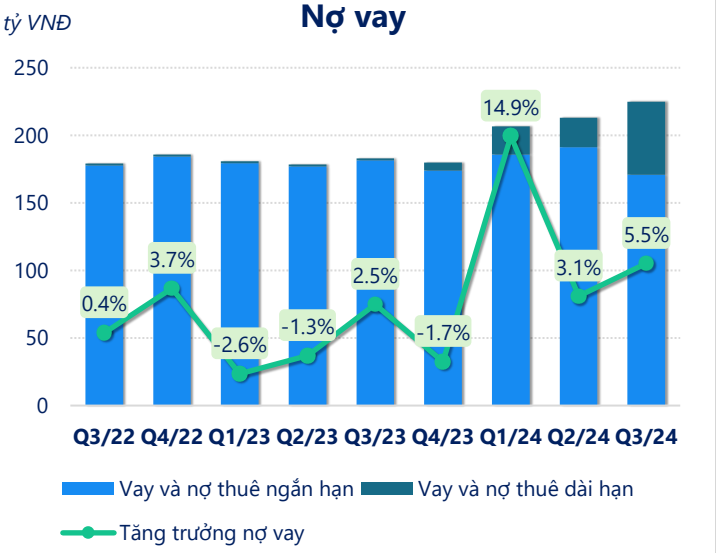

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

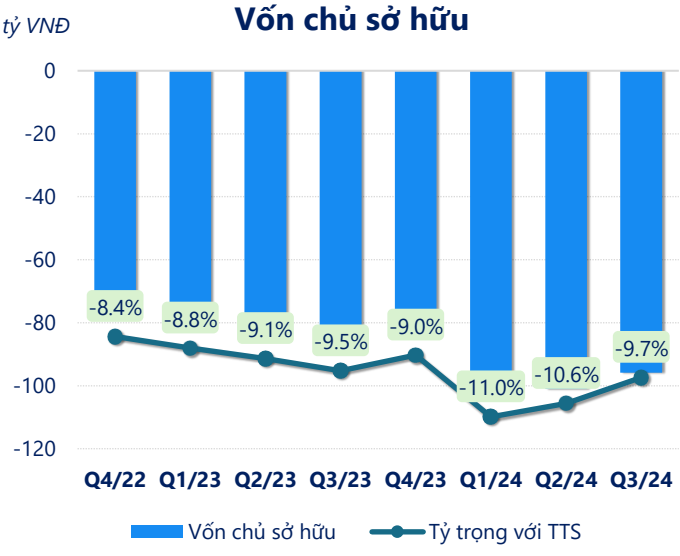

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

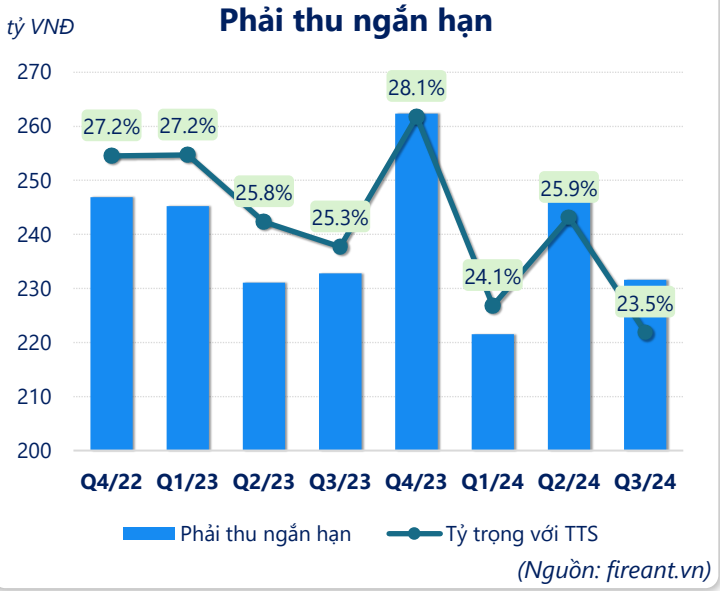

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

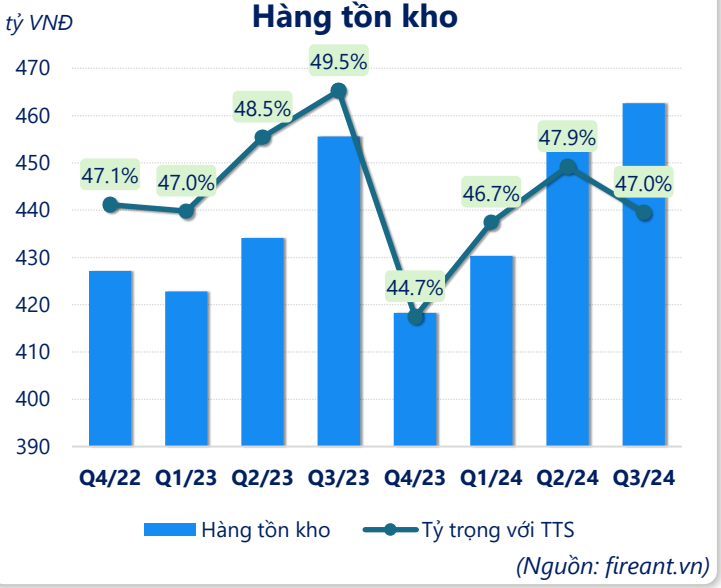

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

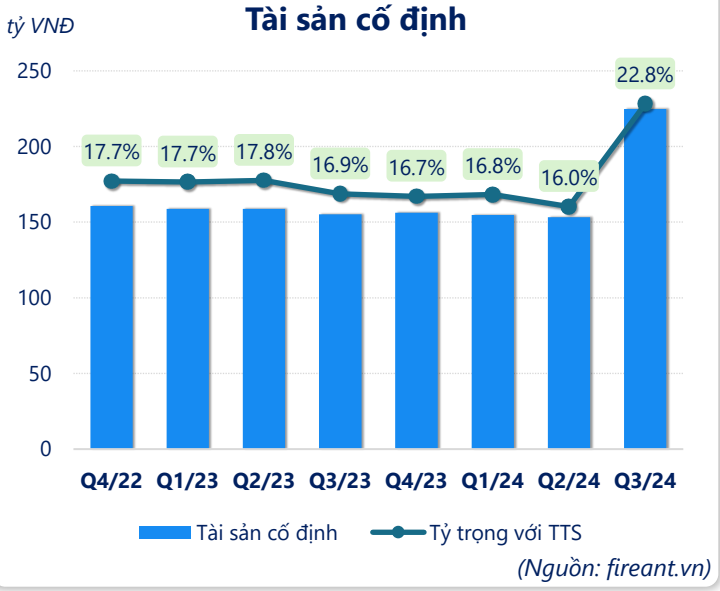

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

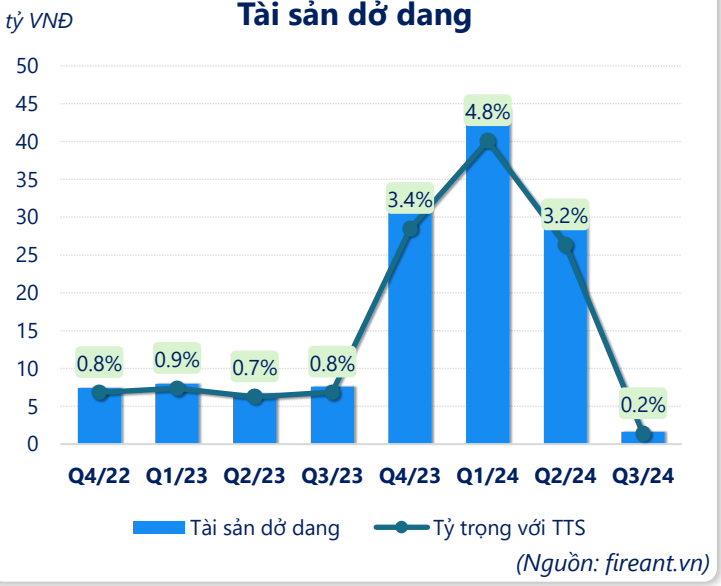

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

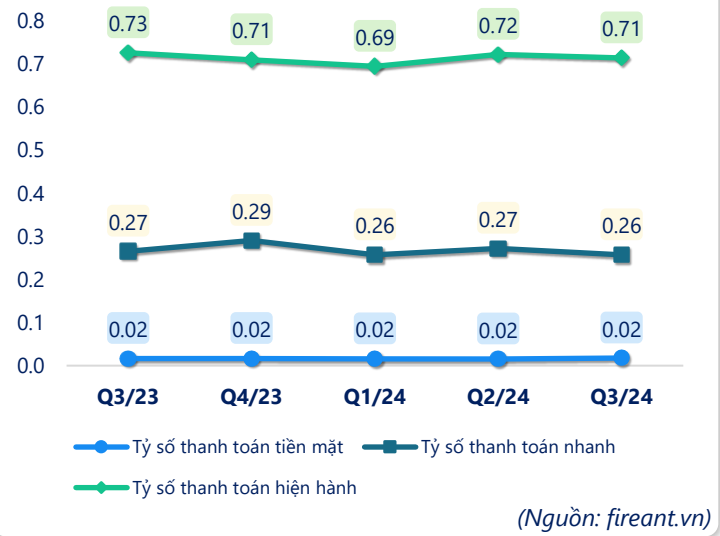

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

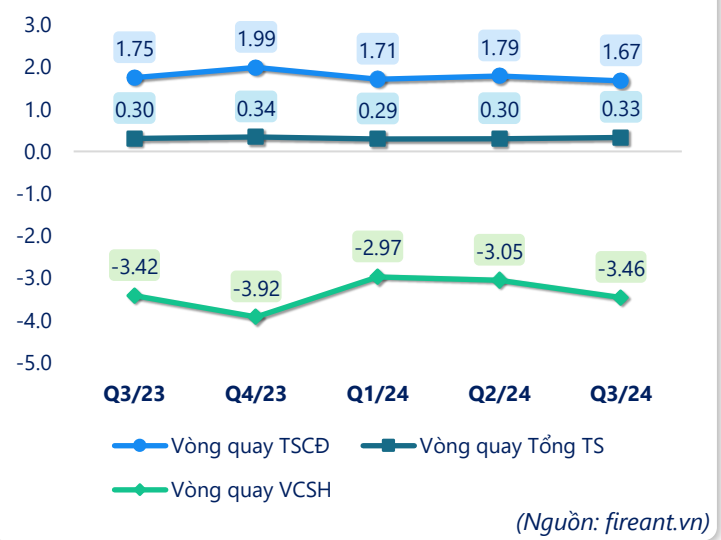

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**920**	**935**	**921**	**956**	**985**
Tài sản ngắn hạn	**718**	**708**	**683**	**736**	**723**
Tiền và tương đương tiền	16.4	16.5	15.4	15.7	17.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	233	262	222	248	232
Hàng tồn kho	456	418	430	458	463
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	10.9	15.9	13.8	10.8
Tài sản dài hạn	**202**	**227**	**237**	**221**	**262**
Phải thu dài hạn	1.02	1.02	1.08	1.02	0.78
Tài sản cố định	155	156	155	153	225
Bất động sản đầu tư	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản dở dang	7.59	32.0	44.3	30.2	1.62
Đầu tư tài chính dài hạn	33.3	33.3	33.3	32.5	25.2
Tài sản dài hạn khác	3.98	3.79	3.37	3.13	9.58
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,005**	**1,016**	**1,019**	**1,054**	**1,078**
Nợ ngắn hạn	**990**	**998**	**984**	**1,019**	**1,013**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	181	174	186	191	171
Phải trả người bán ngắn hạn	117	167	127	144	109
Nợ dài hạn	14.7	18.4	34.7	35.6	65.6
Vay và nợ thuê dài hạn	1.48	5.98	21.0	21.7	53.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-84.8**	**-81.5**	**-98.3**	**-98.2**	**-93.0**
Vốn chủ sở hữu	**-87.6**	**-84.4**	**-101**	**-101**	**-95.9**
Vốn điều lệ	239	239	239	239	239
Kinh phí và quỹ khác	2.88	2.88	2.88	2.88	2.88

(Nguồn: fireant.vn)